ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:2143/QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 12 năm 2021*

Ủy ban nhân dân
tỉnh Quảng Ngãi
Tỉnh Quảng Ngãi
25/12/2021
07:52:13

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ triển khai thực hiện năm 2021 (đợt 2)

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 21/7/2021 của HĐND tỉnh Quy định một số nội dung và định mức xây dựng kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục các đề tài, dự án khoa học và công nghệ triển khai thực hiện năm 2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1803/TTr-SKHCN ngày 16/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ triển khai thực hiện năm 2021 (đợt 2), cụ thể như sau:

1. Nhiệm vụ cụ thể tại 02 Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Tổng kinh phí thực hiện (vốn ngân sách) là 7.100 triệu đồng *(Bảy tỷ một trăm triệu đồng)*.

3. Nguồn vốn: sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Trong đó:

- Năm 2021 là 1.990 triệu đồng *(Một tỷ chín trăm chín mươi triệu đồng)* từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ được UBND tỉnh giao cho Sở Khoa học và Công nghệ tại Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2021.

- Từ năm 2022 trở đi: tiếp tục bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Quyết định này làm cơ sở cho công tác lập kế hoạch, cấp phát và quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cụ thể:

1. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm:

a) Hướng dẫn các cơ quan chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ lập dự toán chi tiết theo từng nội dung cụ thể để làm cơ sở thẩm tra, cấp phát, kiểm soát chi và thanh, quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

b) Ký kết hợp đồng với các tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý khoa học và công nghệ.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan theo dõi, giám sát, kiểm tra quá trình triển khai thực hiện và tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định để làm cơ sở cho việc thanh quyết toán kinh phí khi nhiệm vụ hoàn thành, đảm bảo đúng mục đích, tiêu chuẩn định mức quy định.

2. Tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ phê duyệt tại Quyết định này theo đúng mục tiêu, nội dung được phê duyệt, đảm bảo chất lượng, hiệu quả và đúng tiến độ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi, Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan, các tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KTTH, KTN, CBTH;
- Lưu: VT, KGVX.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Trần Phước Hiền

Phụ lục 1

TỔNG HỢP NHIỆM VỤ, KINH PHÍ, NGUỒN KINH PHÍ

(Kèm theo Quyết định số 2143 /QĐ-UBND ngày 24 /12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ		Ngân sách sự nghiệp KH&CN					Ngoài ngân sách sự nghiệp KH&CN			
		Tổng các nguồn vốn	Tổng	2021	2022	2023	2024	Vốn đơn vị	Vốn TTDVNN	Vốn HTX	Vốn dân
(1)	*(2)*	*(3)**	*(4)***	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*
1	**Dự án:** Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gừng sẻ bản địa (gừng gió) theo chuỗi giá trị tại các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi	9.131,497	1.740	490	410	730	110	7.098,397		-	293,1
2	**Dự án**: Ứng dụng đồng bộ các giải pháp khoa học công nghệ phục vụ canh tác, chế biến và tiêu thụ ớt hàng hóa theo chuỗi giá trị tại huyện Bình Sơn và vùng phụ cận	15.668,1	2.150	600	1.150	330	70	1.341,6		50	12.126,5
3	**Đề tài:** Nghiên cứu xây dựng mô hình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) trên một số cây trồng có giá trị kinh tế cao để nâng cao nhận thức và năng lực canh tác của người dân tại tỉnh Quảng Ngãi	1.757,4	1.320	270	810	190	50	-		-	437,4

Phụ lục 2

CHI TIẾT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NĂM 2021 (đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng ngãi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ	Mục tiêu và nội dung chủ yếu	Tổng kinh phí thực hiện	Kinh phí SN KHCN				Phương thức khoán chi
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	
	Lĩnh vực Khoa học Nông nghiệp - Trồng trọt									
1.	Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gừng sẻ bản địa (gừng gió) theo chuỗi giá trị tại các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi	36 tháng	- Tổ chức chủ trì: Công ty TNHH Hoàng Linh Biotech - Đồng chủ nhiệm: CN. Phan Trung Kiên và ThS. Lê Đức Dũng	*** Mục tiêu:** ***Mục tiêu chung:*** Ứng dụng khoa học và công nghệ phát triển vùng nguyên liệu gừng sẻ bản địa phục vụ chế biến sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng góp phần tạo sinh kế, tăng thu nhập cho bà con nông dân tại các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi. ***Mục tiêu cụ thể:*** - Đánh giá đúng thực trạng sản xuất, sơ chế, chế biến, tiêu thụ sản phẩm gừng sẻ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và khả năng phát triển mở rộng.	**Tổng kinh phí: 9.131,497** Trong đó: - Kinh phí SNKHCN là: 1.740; - Vốn Doanh nghiệp: 7.098,397; - Vốn dân: 293,1.	490	410	730	110	Khoán chi từng phần

Số TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ	Mục tiêu và nội dung chủ yếu	Tổng kinh phí thực hiện	Kinh phí SN KHCN				Phương thức khoán chi
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	
				- Xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật canh tác, bảo quản và chế biến gừng sẻ đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và dược liệu phù hợp với điều kiện các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi, năng suất cao hơn hiện tại từ 10-20%, thu nhập cao hơn 50% so với canh tác các cây trồng truyền thống tại địa phương (lúa, bắp, đậu phộng,...). - Xây dựng mô hình canh tác gừng sẻ bản địa quy mô 10 ha tại 2 huyện Trà Bồng và Sơn Tây, năng suất trồng xen ≥ 2,5 tấn/ha; năng suất trồng thuần ≥ 5tấn/ha; sản lượng tối thiểu 32,5 tấn gừng tươi. - Xây dựng cơ sở chế biến bột gừng công suất 100kg/ngày và mô hình sơ chế và chế biến bột gừng khô đảm bảo tiêu chuẩn ATVSTP, sản lượng trong kỳ dự án 2.320 kg bột gừng.						

Số TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ	Mục tiêu và nội dung chủ yếu	Tổng kinh phí thực hiện	Kinh phí SN KHCN				Phương thức khoán chi
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	
				- Xây dựng được mô hình liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất, sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm gừng, quy mô 10 ha gừng nguyên liệu, chế biến 2.320 kg bột gừng khô. - Xây dựng nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm Gừng sẻ Trà Bồng. *** Nội dung:** **Nội dung 1:** Khảo sát đánh giá thực trạng và khả năng phát triển sản phẩm gừng sẻ bản địa (gừng gió) trên các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi. **Nội dung 2:** Hoàn thiện và chuyển giao hướng dẫn kỹ thuật về nhân giống, canh tác, thu hoạch, bảo quản sản phẩm gừng sẻ bản địa. **Nội dung 3:** Xây dựng mô hình canh tác gừng sẻ bản địa theo hướng hữu cơ tại các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi.						

Số TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ	Mục tiêu và nội dung chủ yếu	Tổng kinh phí thực hiện	Kinh phí SN KHCN				Phương thức khoán chi
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	
				Nội dung 4: Xây dựng mô hình sơ chế, bảo quản và chế biến sản phẩm gừng sẻ sau thu hoạch. **Nội dung 5:** Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gừng sẻ (gừng gió) tại các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi. **Nội dung 6:** Đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo, quảng bá kết quả, nhân rộng mô hình. *(Cụ thể từng công việc theo thuyết minh dự án).*						
2.	Dự án: Ứng dụng đồng bộ các giải pháp khoa học công nghệ phục vụ canh tác, chế biến và tiêu thụ ớt hàng hóa theo	30 tháng	- Tổ chức chủ trì: Công ty cổ phần dược và thiết bị y tế T.W.I. - Đồng chủ nhiệm: CN. Bùi Đức Chiến	*** Mục tiêu:** ***Mục tiêu chung:*** Ứng dụng đồng bộ các giải pháp khoa học công nghệ để hình thành mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ ớt hàng hóa theo chuỗi giá trị đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm góp phần nâng cao giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích đất canh tác, tăng thu nhập	**Tổng kinh phí: 15.668,1** Trong đó: - Kinh phí SNKHCN là: 2.150. - Kinh phí đối ứng đơn vị chủ trì: 1.341,6;	600	1.150	330	70	Khoán chi từng phần

Số TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ	Mục tiêu và nội dung chủ yếu	Tổng kinh phí thực hiện	Kinh phí SN KHCN				Phương thức khoán chi
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	
	chuỗi giá trị tại huyện Bình Sơn và vùng phụ cận		và TS. Trần Tố Tâm	của người trồng ớt và xây dựng nông thôn mới tại Quảng Ngãi. ***Mục tiêu cụ thể:*** - Hoàn thiện quy trình canh tác một số giống ớt cay đảm bảo an toàn, năng suất cao, chất lượng tốt theo tiêu chuẩn TCVN 2080:2007, phù hợp với điều kiện tự nhiên tỉnh Quảng Ngãi. - Xây dựng mô hình liên kết canh tác, chế biến, tiêu thụ ớt cay theo chuỗi giá trị đạt tiêu chuẩn. Quy mô 100 ha. Năng suất 18-20 tấn/ha, sản lượng 2.000 tấn ớt tươi, tương đương 460 tấn ớt sấy khô. *** Nội dung:** **Nội dung 1:** Khảo sát, đánh giá thực trạng (canh tác, chế biến, tiêu thụ) và khả năng phát triển ớt hàng hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	- Vốn HTX: 50; - Vốn dân: 12.126,5.					

Số TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ	Mục tiêu và nội dung chủ yếu	Tổng kinh phí thực hiện	Kinh phí SN KHCN				Phương thức khoán chi
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	
				Nội dung 2: Hoàn thiện và chuyển giao các quy trình kỹ thuật về canh tác, hướng dẫn kỹ thuật chế biến ớt hàng hóa phù hợp với điều kiện của tỉnh Quảng Ngãi. **Nội dung 3:** Xây dựng mô hình canh tác ớt hàng hóa tại Bình Sơn và vùng phụ cận. **Nội dung 4:** Xây dựng mô hình chế biến ớt tại huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.. **Nội dung 5:** Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ ớt hàng hóa tại tỉnh Quảng Ngãi. **Nội dung 6:** Đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo, quảng bá kết quả, nhân rộng mô hình. *(Cụ thể từng công việc theo thuyết minh dự án).*						

Số TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ	Mục tiêu và nội dung chủ yếu	Tổng kinh phí thực hiện	Kinh phí SN KHCN				Phương thức khoán chi
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	
3.	Đề tài: Nghiên cứu xây dựng mô hình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) trên một số cây trồng có giá trị kinh tế cao để nâng cao nhận thức và năng lực canh tác của người dân tại tỉnh Quảng Ngãi	30 tháng	- Tổ chức chủ trì: Trường ĐH Nông lâm, Đại học Huế; - Chủ nhiệm: PGS.TS. Trần Thanh Đức.	*** Mục tiêu:** ***Mục tiêu chung:*** Nâng cao được nhận thức và năng lực của người dân trong sản xuất và sử dụng sản phẩm an toàn. Xây dựng được một số mô hình thực hành nông nghiệp tốt trên một số cây trồng có giá trị kinh tế cao đạt tiêu chuẩn VietGAP để nhân rộng ra các địa phương khác trong tỉnh Quảng Ngãi, làm điểm tham quan học tập và chuyển giao khoa học công nghệ tại các địa phương của tỉnh Quảng Ngãi. ***Mục tiêu cụ thể:*** - Nâng cao nhận thức và năng lực cho cán bộ kỹ thuật và người dân về thực hành nông nghiệp tốt. - Xây dựng được mô hình sản xuất bưởi da xanh, ớt, lạc và dưa hấu đạt tiêu chuẩn VietGAP tại các địa phương của tỉnh Quảng Ngãi.	**Tổng kinh phí:** 1.757,4 Trong đó: - Ngân sách SNKHCN tỉnh: 1.320. - Vốn dân: 437,4.	270	810	190	50	Khoán chi từng phần

Số TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ	Mục tiêu và nội dung chủ yếu	Tổng kinh phí thực hiện	Kinh phí SN KHCN				Phương thức khoán chi
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	
				- Xây dựng chuỗi giá trị cho các sản phẩm bưởi da xanh, ớt, lạc và dưa hấu đạt tiêu chuẩn VietGAP. *** Nội dung:** **Nội dung 1:** Điều tra hiện trạng sản xuất và chuỗi cung ứng, tiêu thụ các cây trồng có giá trị kinh tế cao tại địa điểm nghiên cứu. **Nội dung 2:** Nghiên cứu hoàn thiện các quy trình kỹ thuật canh tác cây bưởi da xanh, ớt, lạc và dưa hấu theo tiêu chuẩn VietGAP. **Nội dung 3:** Xây dựng mô hình sản xuất bưởi da xanh, ớt, lạc, dưa hấu đạt tiêu chuẩn VietGAP. **Nội dung 4:** Xây dựng hồ sơ chứng nhận VietGAP và tổ chức chứng nhận VietGAP cho bưởi da xanh, ớt, lạc và dưa hấu.						

Số TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ	Mục tiêu và nội dung chủ yếu	Tổng kinh phí thực hiện	Kinh phí SN KHCN				Phương thức khoán chi
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	
				Nội dung 5: Xây dựng cơ chế thực hiện chuỗi liên kết trong sản xuất và tiêu thụ bưởi da xanh, ớt, lạc và dưa hấu đạt tiêu chuẩn VietGAP. **Nội dung 6:** Đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo, tuyên truyền, quảng bá, nhân rộng mô hình. *(Cụ thể từng công việc theo thuyết minh đề tài).*						
4.	Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ khai thác, phát triển sản phẩm măng Vót theo chuỗi giá trị ở các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi	36 tháng	- Tổ chức chủ trì: UBND huyện Sơn Tây; - Đồng chủ nhiệm: ThS. Nguyễn Ngọc Trân, ThS. Phạm Hồng Khuyến	*** Mục tiêu:** ***Mục tiêu chung:*** Ứng dụng khoa học công nghệ nhằm cải tạo, bảo vệ, khai thác hợp lý sản phẩm măng Vót tạo sinh kế, tăng thu nhập cho người dân góp phần phát triển kinh tế xã hội các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi. ***Mục tiêu cụ thể:*** - Đánh giá đúng thực trạng rừng măng Vót, việc khai thác, chế biến và khả năng phát triển sản phẩm	**Tổng kinh phí:** 2.866,06. Trong đó: - Ngân sách SNKHCN tỉnh: 1.890. - Kinh phí UBND huyện Sơn Tây: 325,6. - Kinh phí Trung tâm DVNN huyện	630	590	530	140	Khoán chi từng phần

Số TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ	Mục tiêu và nội dung chủ yếu	Tổng kinh phí thực hiện	Kinh phí SN KHCN				Phương thức khoán chi
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	
				măng Vót ở các huyện miền núi Quảng Ngãi nói chung và Sơn Tây nói riêng. - Đề xuất được giải pháp cải tạo, khai thác, phát triển sản phẩm măng Vót hợp lý, có hiệu quả tại huyện Sơn Tây và các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi. - Xây dựng mô hình cải tạo 10 ha măng Vót, thu nhập tăng 20% trở lên so với ngoài mô hình. - Xây dựng mô hình chế biến từ 3 loại sản phẩm trở lên, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng. - Xây dựng nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc xuất xứ cho các sản phẩm măng Vót. - Xây dựng được chuỗi liên kết bền vững trong khai thác, chế biến và tiêu thụ măng Vót tại huyện Sơn Tây.	Sơn Tây: 249,46. - Vốn dân: 401.					

Số TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ	Mục tiêu và nội dung chủ yếu	Tổng kinh phí thực hiện	Kinh phí SN KHCN				Phương thức khoán chi
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	
				*** Nội dung:** **Nội dung 1:** Khảo sát đánh giá hiện trạng và khả năng phát triển sản phẩm măng Vót ở các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi. **Nội dung 2:** Chuyển giao, khảo nghiệm và hoàn thiện quy trình kỹ thuật canh tác, khai thác bền vững cây măng Vót và các quy trình chế biến sản phẩm măng Vót. **Nội dung 3:** Xây dựng mô hình cải tạo thâm canh 10 ha măng Vót tại huyện Sơn Tây. **Nội dung 4:** Xây dựng mô hình sơ chế và chế biến các sản phẩm từ măng Vót tại Sơn Tây, Quảng Ngãi. **Nội dung 5:** Xây dựng chuỗi liên kết bền vững trong canh tác, chế biến, tiêu thụ măng Vót tại Sơn Tây và quảng bá giới thiệu sản phẩm.						

Số TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ	Mục tiêu và nội dung chủ yếu	Tổng kinh phí thực hiện	Kinh phí SN KHCN				Phương thức khoán chi
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	
				Nội dung 6: Đào tạo, tập huấn, hội nghị triển khai, tổng kết dự án. *(Cụ thể từng công việc theo thuyết minh dự án).*						

Tổng cộng:

- 04 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh triển khai thực hiện năm 2021 (đợt 2).
- Tổng kinh phí thực hiện từ ngân sách sự nghiệp KH&CN tỉnh là: 7.100 triệu đồng;

Trong đó: Ngân sách sự nghiệp KH&CN các năm là:

+ Năm 2021: 1.990 triệu đồng;
+ Năm 2022: 2.960 triệu đồng;
+ Năm 2023: 1.780 triệu đồng;
+ Năm 2024: 370 triệu đồng.